

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 18 tháng 4 năm 2022

Số: 57/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 2 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 301 Quang Trung, Phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Hoài A1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T1, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hoài A1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hoài A1 có con chung là: Nguyễn Ngọc Kiều T2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2010. Chị T và anh A1 thống

nhất thỏa thuận: Giao cháu T2 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T chưa yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- *Nợ chung, tài sản chung*: Chị T, anh A1 xác định không có.

- *Về án phí*: Chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; sau khi trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008138 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, hoàn lại chị T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh A1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T1, TG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

VNH